



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
đã được kiểm toán*



**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 38205943 – 38205944

Fax: (08) 38205942

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	10 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	11 - 26



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kiên Hùng (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kiên Hùng là Công ty được sáp nhập từ Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty TNHH Bột Cá Kiên Hùng theo Hợp đồng sáp nhập số 01/2009/HĐSN ngày 18/12/2009 giữa 2 bên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2009 Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kiên Hùng ra quyết định số 148/2009/QĐ-HĐTV thống nhất việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang hình thức Công ty Cổ phần. Sau khi tiến hành sáp nhập và chuyển đổi, Công ty Cổ phần Kiên Hùng sẽ kế thừa toàn bộ lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về những khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty Bột cá Kiên Hùng.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu khi Công ty cổ phần chính thức khai trương hoạt động ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 theo điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

- Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 56.020.000.000 đồng.

Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng  
Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng – Trạm thu mua chế biến thủy sản.  
Địa chỉ Chi nhánh: Kiot 76, Khu cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

## SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TRẦN QUỐC DŨNG	Chủ tịch
Ông DƯƠNG CÔNG TRỊNH	Phó Chủ tịch
Bà LÂM THỊ HƯƠNG MAI	Thành viên
Bà LÂM THỊ HƯƠNG NGỌC	Thành viên
Ông HUỖNH CÔNG LUẬN	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông TRẦN QUỐC DŨNG	Tổng Giám đốc
Ông DƯƠNG CÔNG TRỊNH	Phó Tổng Giám đốc
Ông HUỖNH CÔNG LUẬN	Giám đốc Chi nhánh - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng
Ông NGUYỄN VĂN THÀNG	Kế toán trưởng

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

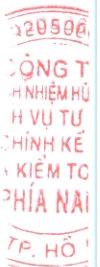
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 06 tháng 01 năm 2011  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
KIÊN HÙNG  
  
**TRẦN QUỐC DŨNG**



Số *07*.... BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Công ty Cổ phần Kiên Hùng*

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng được lập ngày 06 tháng 01 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Kiên Hùng** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



TP HCM, ngày 12 tháng 01 năm 2011

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

**Tổng Giám Đốc**



**LÊ VĂN TUẤN**

**Chứng chỉ KTV số 0479/KTV**

**Kiểm Toán Viên**

**NGUYỄN VŨ**

**Chứng chỉ KTV số 0699/KTV**

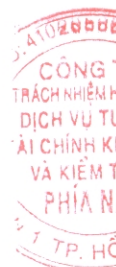


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.502.014.887</b>	-
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.844.577.033</b>	-
1. Tiền	111	V.01	2.844.577.033	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>22.111.661.192</b>	-
1. Phải thu của khách hàng	131		17.807.893.154	
2. Trả trước cho người bán	132		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	4.303.768.038	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.117.733.182</b>	-
1. Hàng tồn kho	141	V.03	43.117.733.182	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.428.043.480</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		326.095.380	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		573.429.219	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	208.485.794	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	320.033.087	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>76.813.425.832</b>	-
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>74.242.890.817</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	57.028.932.798	
- Nguyên giá	222		71.226.444.640	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.197.511.842)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	11.608.364.500	
- Nguyên giá	228		11.608.364.500	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	5.605.593.519	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>370.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	370.000.000	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.200.535.015</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.200.535.015	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>146.315.440.719</b>	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.805.464.859</b>	-
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.601.421.949</b>	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	42.458.443.232	
2. Phải trả người bán	312		20.935.845.203	
3. Người mua trả tiền trước	313		-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.133.214.140	
5. Phải trả người lao động	315		1.126.618.693	
6. Chi phí phải trả	316		256.800.000	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	75.107.184	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.615.393.497	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.204.042.910</b>	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	14.204.042.910	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61.509.975.860</b>	-
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>61.509.975.860</b>	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.020.000.000	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(45.990.708)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		401.783.733	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		401.783.733	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		301.337.800	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.431.061.302	
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>146.315.440.719</b>	-

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại	USD	2.732,83	-

Người lập biểu



Lâm Thị Hương Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành

Ngày 06 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Trần Quốc Dũng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	239.982.290.461
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		239.982.290.461
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	216.199.877.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.782.412.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	2.040.057.906
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	5.010.110.698
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.118.313.986
8. Chi phí bán hàng	24		4.500.105.894
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.216.880.033
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.095.373.851
11. Thu nhập khác	31		17.000.700
12. Chi phí khác	32		1
13. Lợi nhuận khác	40		17.000.699
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.112.374.550
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	67.827.116
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.044.547.434
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	1.793

Người lập biểu



Lâm Thị Hương Ngọc

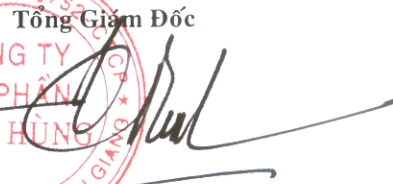
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành

Ngày 06 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Trần Quốc Dũng



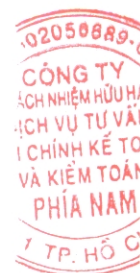
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

( Theo phương pháp gián tiếp )

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>10.112.374.550</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.472.532.618
- Các khoản dự phòng	03	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.514.490)
- Chi phí lãi vay	06	4.118.313.986
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>17.676.706.664</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(23.213.609.292)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(43.117.733.182)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	24.172.200.397
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.526.630.395)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.118.313.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.808.711)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.747.515.398)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(35.893.703.903)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.712.621.665)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	17.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(370.000.000)
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.514.490
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.039.107.175)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	226.990.186.060
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(170.327.699.918)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.839.107.323)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>52.823.378.819</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.890.567.741</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(45.990.708)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.844.577.033</b>



Ngày 06 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2010**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kiên Hùng là Công ty được sáp nhập từ Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty TNHH Bột Cá Kiên Hùng theo Hợp đồng sáp nhập số 01/2009/HĐSN ngày 18/12/2009 giữa 2 bên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2009 Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kiên Hùng ra quyết định số 148/2009/QĐ-HĐTV thống nhất việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang hình thức Công ty Cổ phần. Sau khi tiến hành sáp nhập và chuyển đổi, Công ty Cổ phần Kiên Hùng sẽ kế thừa toàn bộ lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về những khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty Bột cá Kiên Hùng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

- Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 56.020.000.000 đồng.

Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng  
Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng – Trạm thu mua chế biến thủy sản.  
Địa chỉ Chi nhánh: Kiot 76, Khu cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

---

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản bổ sung, hướng dẫn kèm theo.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư gốc ngoại tệ các khoản công nợ dài hạn (có thời hạn thanh toán 1 năm trở lên) được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính; Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền và tương đương tiền, công nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) được ghi nhận trên khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

**2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

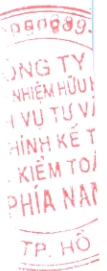
### 3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:** Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian trích khấu hao tuân thủ theo hướng dẫn tại thông tư 203/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc    | 05 - 25 năm |
| - Máy móc thiết bị          | 06 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |
| - Tài sản cố định khác      | 04 - 10 năm |



**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là giảm trừ giá gốc đầu tư.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.



Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:*

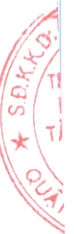
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

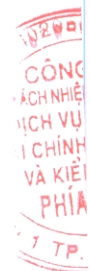
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**11. Các bên liên quan:**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan đã được chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Tiền mặt	524.661.768	
- Tiền gửi ngân hàng	2.319.915.265	
<b>Cộng</b>	<b>2.844.577.033</b>	<b>-</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Trung tâm khoa học và công nghệ	15.000.000	
- Công ty TNHH Phần mềm chợ Rạch Giá	11.610.000	
- Công ty TNHH MTV XD TM Thịnh Phú	30.000.000	
- Công ty TNHH tư vấn đầu tư và CGCN	9.672.000	
- Công ty Cổ phần truyền thông tin học An Bình	19.900.000	
- Phải thu Thuế TNDN do đánh giá lại tài sản năm 2009	3.921.759.915	
- UBND xã Bình An	4.000.000	
- Công ty TNHH thủy sản Chang Hua Kiên Giang Việt Nam	200.000.000	
- Ông Hải, Ông Dũng	30.000.000	
- Bảo hiểm xã hội	45.652.947	
- Bảo hiểm y tế	14.715.929	
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.457.247	
<b>Cộng</b>	<b>4.303.768.038</b>	<b>-</b>

**3. Hàng tồn kho**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Nguyên liệu, vật liệu	3.715.458.668	
- Công cụ, dụng cụ	1.736.596.764	
- Thành phẩm	37.665.677.750	
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>43.117.733.182</b>	<b>-</b>

\* Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng Ngoại Thương Kiên Giang.

**4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Thuế xuất, nhập khẩu	208.485.794	
<b>Cộng</b>	<b>208.485.794</b>	<b>-</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Tạm ứng	320.033.087	
<b>Cộng</b>	<b>320.033.087</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điện, Xã Giục Tương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>							
Số dư đầu năm		1.247.324.491	191.000.000	51.238.183		-	1.489.562.674
- Mua trong kỳ		6.658.339.159	458.521.148	-			7.116.860.307
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	26.243.040.796	32.311.174.034	1.595.837.509	1.013.284.992	292.410.000	1.164.274.328	62.620.021.659
- Tăng khác (*)	26.243.040.796	40.216.837.684	2.245.358.657	1.064.523.175	292.410.000	1.164.274.328	71.226.444.640
Số dư cuối năm							-
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	849.702.501	2.173.594.488	194.890.308	102.829.067	36.551.256	114.964.998	3.472.532.618
- Khấu hao trong kỳ	2.891.108.230	6.812.668.448	32.661.642	591.488.279		397.052.625	10.724.979.224
- Tăng khác (*)	3.740.810.731	8.986.262.936	227.551.950	694.317.346	36.551.256	512.017.623	14.197.511.842
Số dư cuối năm							-
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>							
Tại ngày đầu năm	22.502.230.065	31.230.574.748	2.017.806.707	370.205.829	255.858.744	652.256.705	57.028.932.798
Tại ngày cuối năm (**)							-

**Ghi chú:**

(\*) Tăng do ghi nhận và đánh giá lại các tài sản của hai Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty TNHH Bột cá Kiên Hùng trong quá trình sáp nhập và chuyển đổi doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

(\*\*) Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

54.896.000 VND

- Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Kiên Giang.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
- Số dư đầu năm	-	-
- Mua trong năm	7.703.159.000	<b>7.703.159.000</b>
- Tăng khác (*)	3.905.205.500	<b>3.905.205.500</b>
- Tăng do cổ đông góp vốn trong kỳ		
- Giảm khác		
- Số dư cuối năm	<b>11.608.364.500</b>	<b>11.608.364.500</b>
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
- Số dư đầu năm	-	-
- Khấu hao trong năm		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Số dư cuối năm	-	-
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
1- Tại ngày đầu năm	-	-
2- Tại ngày cuối năm (**)	<b>11.608.364.500</b>	<b>11.608.364.500</b>

**Ghi chú:**

(\*) Tăng do ghi nhận và đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất của hai Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty TNHH Bột cá Kiên Hùng trong quá trình sáp nhập và chuyển đổi doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

(\*\*) Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Ngoại Thương.

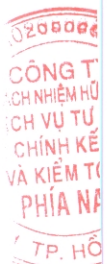
**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>5.605.593.519</b>	-
Trong đó:		
+ Mua sắm TSCĐ	5.554.334.194	
+ Xây dựng cơ bản	51.259.325	

**9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Ngày 31/12/2010		Ngày 01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hồng Phát	37.000	370.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.000</b>	<b>370.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Ghi chú (\*): Đến ngày 31/12/2010 Công ty Cổ phần Kiên Hùng đã góp là 370.000.000 đồng tương ứng 37% tổng vốn thực góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Phát theo Biên bản Đại hội Cổ đông bất thường ngày 22/12/2010.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Ngày 31/12/2010</u>	<u>Ngày 01/01/2010</u>
- Công cụ, dụng cụ, vật tư chờ phân bổ	2.077.024.404	
- Chi phí sửa chữa	39.550.448	
- Chi phí bảo trì	18.412.342	
- Phí chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	31.666.670	
- Phí in sổ cổ đông	12.916.670	
- Phí BH dây chuyền bột cá và nồi hơi	20.964.481	
<b>Cộng</b>	<u><u>2.200.535.015</u></u>	<u><u>-</u></u>

**11. Vay ngắn hạn**

	<u>Ngày 31/12/2010</u>	<u>Ngày 01/01/2010</u>
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay VND) (*)	15.090.000.000	
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay USD) (*)	366.144.880	
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay VND) (**)	23.000.000.000	
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay USD) (**)	4.002.298.352	
<b>Cộng</b>	<u><u>42.458.443.232</u></u>	<u><u>-</u></u>

(\*) Đây là những khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại Thương Kiên Giang từ các hợp đồng hạn mức tín dụng. Mục đích vay: Tiền vay được sử dụng để thu mua nguyên liệu chế biến các mặt hàng thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu, sản xuất chế biến bột cá. Biện pháp đảm bảo nợ vay là toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

(\*\*) Đây là những khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Công Thương Kiên Giang từ các hợp đồng hạn mức tín dụng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động mua bán, chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc. Biện pháp đảm bảo nợ vay: thế chấp tài sản của bên thứ ba. Tổng giá trị tài sản bảo đảm: 5.800.000.000 đồng.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Ngày 31/12/2010</u>	<u>Ngày 01/01/2010</u>
- Thuế GTGT	109.298.982	
- Thuế thu nhập cá nhân	53.136.838	
- Thuế TNDN	3.970.778.320	
<b>Cộng</b>	<u><u>4.133.214.140</u></u>	<u><u>-</u></u>

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước này sẽ còn được Cơ quan Thuế kiểm tra đánh giá lại. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Ngày 31/12/2010</u>	<u>Ngày 01/01/2010</u>
- Bảo hiểm xã hội	2.274.179	
- Kinh phí công đoàn	72.301.386	
- Công ty TNHH Mỹ Mỹ	531.619	
<b>Cộng</b>	<u><u>75.107.184</u></u>	<u><u>-</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**14. Các khoản vay và nợ dài hạn**

	<u>Ngày 31/12/2010</u>	<u>Ngày 01/01/2010</u>
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay VND) (*)	5.083.132.800	
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay USD) (*)	2.833.042.610	
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay VND) (**)	6.287.867.500	
<b>Cộng</b>	<b><u>14.204.042.910</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Đây là khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang để đầu tư xây dựng công trình nhà máy chế biến bột cá Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai của "Dự án xây dựng nhà máy chế biến bột cá Kiên Hùng".

(\*\*) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Kiên Giang để bù đắp và thanh toán chi phí xây dựng, chi phí mua máy móc thiết bị và các chi phí khác có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy chế biến bột cá của Công ty Cổ phần Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày 10/06/2010 đến ngày 10/06/2015; Biện pháp đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành từ vốn vay.



## 15. Vốn chủ sở hữu.

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Tổng cộng
- Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong kỳ (*)	51.885.750.151						51.885.750.151
- Góp vốn bằng quyền sử dụng đất	3.905.205.500						3.905.205.500
- Kết chuyển khoản lợi nhuận giai đoạn công ty TNHH		1.992.820.798					1.992.820.798
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2010		10.044.547.434					10.044.547.434
- Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế của giai đoạn công ty TNHH	229.044.349	(229.044.349)					-
- Nộp phạt theo quyết định của cơ quan thuế		(9.825.274)					(9.825.274)
- Số tiền thuế được hoàn		6.027.450					6.027.450
- Kết chuyển lỗ của chi nhánh		(97.079)					(97.079)
- Chia lợi nhuận 2009		(1.038.107.323)					(1.038.107.323)
- Ứng 5% tiền cổ tức đợt 1/2010 theo biên bản họp HĐQT lần 5		(2.801.000.000)					(2.801.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(2.429.355.089)					(2.429.355.089)
- Trích quỹ đầu tư phát triển		(401.783.733)		401.783.733			-
- Trích quỹ dự phòng tài chính		(401.783.733)			401.783.733		-
- Trích quỹ khác		(301.337.800)				301.337.800	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			(45.990.708)				(45.990.708)
- Số dư cuối năm nay	56.020.000.000	4.431.061.302	(45.990.708)	401.783.733	401.783.733	301.337.800	61.509.975.860

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HÙNG

ố 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

### Chú:

\*) Tăng vốn do ghi nhận và đánh giá lại giá trị tài sản của hai Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty TNHH Bột cá Kiên Hùng trong quá trình sáp nhập và chuyển đổi hành Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

\*\*) Công ty tạm trích lập các quỹ và ứng cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2010 theo nội dung tại Biên bản họp Đại hội cổ đông số 01/2010/BB-DHDCD ngày 06/04/2010. Các giá trị này sẽ được điều chỉnh sau khi có ý kiến chính thức tại Đại hội cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### d. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2010

- Vốn góp của Ông Trần Quốc Dũng
- Vốn góp của Ông Dương Công Trịnh
- Vốn góp của Bà Lâm Thị Hương Mai
- Vốn góp của Các cổ đông khác

#### Cộng

Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
26.088.160.000	46,57%
1.760.000.000	3,14%
2.000.000.000	3,57%
26.171.840.000	46,72%
<b>56.020.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### e. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng
  - + Cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ phiếu ưu đãi

Ngày 31/12/2010 Ngày 01/01/2010

5.602.000  
5.602.000  
5.602.000

-

Ngày 31/12/2010 Ngày 01/01/2010

- Số lượng cổ phiếu được mua lại
  - + Cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
  - + Cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ phiếu ưu đãi

-  
5.602.000  
5.602.000

\* Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**16. Doanh thu**

**Năm 2010**

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>239.982.290.461</b>
Trong đó:	
+ Doanh thu bán thành phẩm	90.878.553.028
+ Doanh thu bán phế phẩm	5.621.655.341
+ Doanh thu bán bột cá	143.482.082.092
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>239.982.290.461</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm	90.878.553.028
+ Doanh thu bán phế phẩm	5.621.655.341
+ Doanh thu bán bột cá	143.482.082.092

**17. Giá vốn hàng bán**

**Năm 2010**

- Giá vốn của thành phẩm	84.217.926.299
- Giá vốn của phế phẩm	5.622.655.341
- Giá vốn của bột cá	126.359.296.251
<b>Cộng</b>	<b>216.199.877.891</b>

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

**Năm 2010**

- Lãi tiền gửi	26.588.592
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.013.469.314
<b>Cộng</b>	<b>2.040.057.906</b>

**19. Chi phí tài chính**

**Năm 2010**

- Chi phí lãi vay	4.118.313.986
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	891.796.712
<b>Cộng</b>	<b>5.010.110.698</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**20. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2010		
	Xí nghiệp đông lạnh	Nhà máy bột cá Kiên Hùng	Tổng cộng toàn Công ty
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	677.905.796	9.434.514.652	10.112.420.448
2. Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
3. Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
4. Tổng lợi nhuận chịu thuế	677.905.796	9.434.514.652	10.112.420.448
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	67.827.116	-	67.827.116

*Ghi chú (\*)*: trong năm 2010, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với các dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh hoàn tất trước ngày 31/12/2008 theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008.

**Tại Nhà máy bột cá Kiên Hùng:** Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56121000081 ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang cấp thì dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến bột cá Kiên Hùng được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 09 năm tiếp theo; ngoài ra dự án còn được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động. Năm 2008 là năm đầu tiên Dự án được hưởng các ưu đãi này.

**Tại Xí nghiệp đông lạnh:** Theo nội dung trong các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008, lợi nhuận từ Xí nghiệp Đông lạnh được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% và tiếp tục được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án thực hiện trước ngày 31/12/2008. Tổng vốn được ưu đãi: 29.669.473.374 đồng. Tỷ lệ lợi nhuận được hưởng ưu đãi về thuế là: 0,0168.

**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.044.547.434
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>10.044.547.434</b>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.602.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.793</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

22. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

### VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty Cổ phần Kiên Hùng có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Vốn góp của Công ty Cổ phần Kiên Hùng đến ngày 31/12/2010	Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Kiên Hùng đến ngày 31/12/2010	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Kiên Hùng đến ngày 31/12/2010
Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Phát	Đầu tư vào công ty liên kết	370.000.000	37%	37%

### IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### Thông tin so sánh

Công ty mới chuyển đổi loại hình doanh nghiệp do sáp nhập các Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần nên không có thông tin so sánh.

Người lập biểu

Lâm Thị Hương Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Ngày 06 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Trần Quốc Dũng

